

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Chính

2. Ông Nguyễn Hữu Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2023 về việc: “Tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị N**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Khu H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị sinh ngày 09/9/1993 và anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978 tự nguyện kết hôn với nhau nhưng tại thời điểm kết hôn (28/6/2010) chị chưa đủ tuổi kết hôn nên chị đã khai tăng tuổi (khai sinh ngày 09/4/1992) để UBND xã N (nay là xã P), huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn cho chị và anh S. Sau ngày cưới, vợ chồng chị ở chung với gia đình nhà anh S tại xã H. Quá trình chung sống, vợ chồng chị chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh S có mối quan hệ với người phụ nữ khác, đánh chửi chị. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang từ tháng 3/2023. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có 03 con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/02/2011, Nguyễn Quang M, sinh ngày 28/02/2013 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 14/5/2016. Hiện cháu C và cháu M đang ở cùng chị, còn cháu V ở cùng anh S. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu M. Chị đồng ý để anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn S đến Tòa án để làm việc. Anh S có mặt, anh S trình bày không còn tình cảm với chị N nên đồng ý ly hôn. Về con chung anh S nhất trí để chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu M, còn anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tuy nhiên do chị N không đồng ý để lại toàn bộ tài sản chung cho anh nên anh đã xé bản tự khai và bỏ về, không đồng ý làm việc. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ anh S là bà Nguyễn Thị Đ để giao lại cho anh S nhưng anh S vẫn không hợp tác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành giấy báo của Tòa án, vắng mặt trong quá trình giải quyết và vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

+ Về con chung: Giao cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/02/2011 và Nguyễn Quang M, sinh ngày 28/02/2013. Giao cho anh S được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 14/5/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị N và anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không phải giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và nơi cư trú

của bị đơn là tại xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N, sinh ngày 09/9/1993 và anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978 tự nguyện kết hôn với nhau nhưng tại thời

điểm kết hôn (28/6/2010) chị N chưa đủ tuổi kết hôn (16 tuổi 08 tháng 28 ngày) nên chị N đã khai tăng tuổi (khai sinh ngày 09/4/1992) để UBND xã N (nay là xã P), huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn cho chị và anh S, do đó đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nay là điểm a khoản 1 Điều 8 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Đến nay thì chị N đã đủ điều kiện kết hôn và chị N, anh S đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và đề nghị Toà án giải quyết ly hôn mà không yêu cầu Toà án huỷ kết hôn trái pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2000, nay là khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp công nhận hôn nhân hợp pháp của chị N và anh S từ ngày chị N đủ tuổi kết hôn là ngày 9/9/2011. Lời trình bày của chị N và chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về quan điểm, lối sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn cho thấy kể từ khi ly thân đến nay, hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/02/2011, Nguyễn Quang M, sinh ngày 28/02/2013 do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo đảm cho con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định và con chung đều có nguyện vọng muốn được sống cùng chị N. Còn cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 14/5/2017 do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo đảm cho cháu V có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Do vậy, cần giao chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu M, giao cho anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2- Về con chung:

2.1-Giao cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/02/2011, Nguyễn Quang M, sinh ngày 28/02/2013. Giao cho anh S được quyền trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 14/5/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

2.1- Chị N và anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không phải giải quyết.

4-Về án phí: Chị Lương Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0002103 ngày 12/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đuan Hùng. Chị N đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị N, anh S vắng mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã Hùng Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Thắng

